UBND XÃ THANH NƯA
TRƯỜNG TH THANH HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số: 42/KH-TrTH

Thanh Hưng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025 - 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục số **43/2019/**QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội; Thông tư số **28/2020/TT**-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số **32/2018/TT**-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ công văn số **2345**/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ hướng dẫn nhiệm vụ năm học: công văn số **4555**/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Công văn số **2616**/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ kế hoạch thời gian năm học do UBND tỉnh, xã ban hành: Quyết định số **1812**/QĐ-UBND, ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biênvề việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số **163**/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Thanh Nưa;

Căn cứ vào kết quả đã đạt được và tình hình thực tế của địa phương, của trường Tiểu học Thanh Hưng.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Thanh Nưa là xã biên giới, được thành lập trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Hua Thanh, Thanh Nưa, Thanh Luông, Thanh Hưng, Thanh Chăn; phía Bắc giáp xã Mường Mươn; phía Nam giáp xã Thanh Yên; phía Đông giáp phường Điện Biên Phủ và phường Mường Thanh; phía Tây giáp nước CHDCND Lào. Xã có chiều dài đường biên giới tiếp giáp với nước CHDCND Lào là 38,88km; tổng diện tích tự nhiên 176,97km2, có 73 thôn/bản, dân số khoảng 29.397 nhân khẩu gồm 06 dân tộc chính cùng sinh sống.

Xã Thanh Nưa luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, các ngành. Kinh tế của xã có sự tăng trưởng rõ rệt, văn hóa xã hội tiếp tục được duy trì và phát triển; an ninh chính trị - trật tự

an toàn xã hội ổn định, nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng lên.

Thanh Nưa là xã thuần nông, nhân dân trong xã chủ yếu làm nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Kinh tế chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp nên thường có nhiều biến động, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Thời tiết thiên nhiên diễn biến bất thường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; dịch bệnh bùng phát đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Một số gia đình có liên quan đến tệ nạn xã hội nên ảnh hưởng nhiều đến việc chăm lo, quan tâm giáo dục các em học sinh.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách *(NĐ 81/2021; NĐ 57/2021; TT 42/2013; NĐ 66/2025)*						
						Tổng số	Xã ĐBKK (NĐ 81/2021)	Hộ nghèo (NĐ 81/2021)	Mồ côi (NĐ 81/2021)	HS khuyết tật (TT 42/2013)	HS dân tộc rất ít người (NĐ 57/2017)	HS vùng ĐBDT thiểu số và miền núi (NĐ 66/20125)
1	4	109	48	50	22	3	0	2	0	2	0	4
2	4	90	46	40	17	2		2				
3	4	108	54	50	21	28	6	1	0	1	3	5
4	4	103	48	49	27	0	2	3	0	2	0	0
5	4	116	52	38	19	7	3	2	1	2	0	0
Tổng	**20**	**526**	**248**	**227**	**106**	**40**	**11**	**10**	**1**	**7**	**3**	**9**

- 100% HS học 9 buổi/tuần.

- Tỉ lệ HS nữ: 47,1%; Tỉ lệ HS dân tộc: 43,2%; Tỉ lệ HS nữ dân tộc: 20,2%;

- Số HS/lớp là 26,3 em, đảm bảo cho việc giáo viên tổ chức các hình thức dạy học linh hoạt và đảm bảo cho việc GV có thể dạy đến từng học sinh.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Đảng viên	Trình độ đào tạo					Ghi chú
					Thạc sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	3	2	0	3	2	1				
GV	31	29	6	19		31				
NV	5	4	2	0		1	2	1	1	
Tổng	**39**	**35**	**8**	**22**	**2**	**33**	**2**	**1**	**1**	

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 03, trong đó: Hiệu trưởng 01; Phó hiệu trưởng 02;

- Tỷ lệ nữ: 35/39 chiếm 89,7%

- Giáo viên đủ về số lượng đảm bảo định mức theo quy định 1,5 GV/lớp; Cơ cấu đủ theo các môn học (Tiếng Anh: 03; Thể dục: 02; Âm nhạc: 01; Mĩ thuật: 01; giáo viên có chứng chỉ Tin học – Công nghệ: 01; giáo viên làm công tác Đội: 01)

- Nhân viên: 05 người, trong đó: Y tế: 01; Thư viện – Thiết bị: 01; Kế toán: 01; Văn thư: 01; Bảo vệ (hợp đồng): 01

c. Về thuận lợi, khó khăn

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hiểu chương trình giáo dục, phân cấp, phân quyền đúng chức trách nhiệm vụ, năng lực sở trường của giáo viên, phát huy được ý chí và sức mạnh tập thể.

100% số lượng giáo viên đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019, tâm huyết với nghề, năng lực sư phạm tốt, năng động, sáng tạo, thường xuyên đổi mới phương pháp thích ứng nhu cầu học tập của học sinh. Đa số giáo viên sử dụng thành thạo công nghệ thông tin.

Đội ngũ nhân viên đầy đủ các vị trí, tuổi đời trẻ, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ theo yêu cầu nhiệm vụ công việc được giao.

Một số giáo viên do tuổi đời cao, nên đôi lúc việc cập nhật chuyển đổi số, việc ứng dụng các phần mềm, AI chưa nhanh chóng và thường xuyên.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường; cơ sở vật chất thực hiện học sinh ăn trưa tại trường

**** Thuận lợi***

- Tổng số phòng học: 20 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (trung tâm: 15 phòng; điểm trường Pa Pe: 05 phòng).

- Tổng số phòng học bộ môn: 07 phòng, trong đó: 01 phòng Ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng Mĩ thuật; 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng Khoa học – Công nghệ; 01 phòng đa chức năng; 01 nhà đa năng.

- Tổng số phòng chức năng: 10 phòng, trong đó: Phòng Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; phòng họp: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01; Truyền thống và hoạt động Đội: 01, phòng Tư vấn và hỗ trợ học sinh khuyết tật: 01; Văn phòng: 01; phòng các đoàn thể: 01.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động. Cả 2 điểm trường đều có hệ thống mạng Internet.

+ Tổng số ti vi thông minh: 09 chiếc; số máy chiếu: 17 chiếc (lắp cố định tại mỗi phòng học và phòng học bộ môn).

+ Tăng âm loa, đài: 02 bộ (Trung tâm: 01 bộ; điểm trường: 01 bộ)

- Trung tâm và điểm trường đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Nhà bếp + Nhà ăn: 02 nhà, đủ cơ sở vật chất cho khoảng 200 HS ăn, nghỉ trưa tại trường.

**** Khó khăn***

- Một số gia đình học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chưa có điều kiện về các thiết bị để hỗ trợ học tập.

- Còn một số phòng học chưa có đủ các thiết bị hiện đại như ti vi thông minh, máy tính.

- Hệ thống nhà bếp, nhà ăn để tổ chức ăn, nghỉ trưa tại trường diện tích còn chật, hẹp.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông.

- Thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

- Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục giáo dục Tiểu học vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp xã với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Duy trì số lượng HS

Duy trì 526/526 HS đi học chuyên cần, đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có HS bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

(Có 07 HS khuyết tật được đánh giá theo sự tiến bộ của trẻ)

Khối lớp		**Khối 1**		**Khối 2**		**Khối 3**		**Khối 4**		**Khối 5**		**Tổng cộng**	
TS HS		109		90		108		103		116		**526**	
HS Khuyết tật		*2*				*1*		*2*		*2*		**7**	
HS được đánh giá		109		90		108		103		116		**526**	
Môn học	MĐĐ	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*

Tiếng Việt	HTT	62	56.9	59	65.6	77	71.3	57	55.3	69	59.5	**324**	61.6
	HT	46	42.2	31	34.4	31	28.7	46	44.7	47	40.5	**201**	38.2
	CHT	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
Toán	HTT	69	63.3	61	67.8	76	70.4	58	56.3	71	61.2	**335**	63.7
	HT	39	35.8	29	32.2	32	29.6	45	43.7	45	38.8	**190**	36.1
	CHT	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
Tiếng Anh	HTT	80	73.4	61	67.8	76	70.4	55	53.4	65	56.0	**337**	64.1
	HT	28	25.7	29	32.2	32	29.6	48	46.6	51	44.0	**188**	35.7
	CHT	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
Đạo đức	HTT	84	77.1	68	75.6	82	75.9	66	64.1	73	62.9	**373**	70.9
	HT	24	22.0	22	24.4	26	24.1	37	35.9	43	37.1	**152**	28.9
	CHT	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.0
TN-XH	HTT	84	77.1	67	74.4	81	75.0	0		0		**232**	70.9
	HT	24	22.0	23	25.6	27	25.0	0		0		**74**	29.1
	CHT	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0		0		**1**	0.0
Lịch sử và Địa lí	HTT	0		0		0		57	55.3	69	59.5	**126**	53.4
	HT	0		0		0		46	44.7	47	40.5	**93**	46.6
	CHT	0		0		0		0	0.0	0	0.0	**0**	0.0
Khoa học	HTT	0		0		0		58	56.3	71	61.2	**129**	53.0
	HT	0		0		0		45	43.7	45	38.8	**90**	47.0
	CHT	0		0		0		0	0.0	0	0.0	**0**	0.0
Tin học	HTT	0		0		79	73.1	57	55.3	71	61.2	**207**	57.4
	HT	0		0		29	26.9	46	44.7	45	38.8	**120**	42.6
	CHT	0		0		0	0.0	0	0.0	0	0.0	**0**	0.0
Công nghệ	HTT	0		0		80	74.1	62	60.2	72	62.1	**214**	59.5
	HT	0		0		28	25.9	41	39.8	44	37.9	**113**	40.5
	CHT	0		0		0	0.0	0	0.0	0	0.0	**0**	0.0
GDTC	HTT	82	75.2	67	74.4	83	76.9	63	61.2	73	62.9	**368**	70.0
	HT	26	23.9	23	25.6	25	23.1	40	38.8	43	37.1	**157**	29.8
	CHT	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
Nghệ thuật (Âm nhạc)	HTT	76	69.7	64	71.1	82	75.9	62	60.2	73	62.9	**357**	67.9
	HT	32	29.4	26	28.9	26	24.1	41	39.8	43	37.1	**168**	31.9
	CHT	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
Nghệ thuật (Mĩ thuật)	HTT	77	70.6	64	71.1	77	71.3	63	61.2	73	62.9	**354**	67.3
	HT	31	28.4	26	28.9	31	28.7	40	38.8	43	37.1	**171**	32.5
	CHT	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2

Hoạt động trải nghiệm	HTT	90	82.6	69	76.7	90	83.3	62	60.2	76	65.5	**387**	73.6
	HT	18	16.5	21	23.3	18	16.7	41	39.8	40	34.5	**138**	26.2
	CHT	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2

b) Những phẩm chất chủ yếu

(Có 07 HS khuyết tật được đánh giá theo sự tiến bộ của trẻ)

Khối lớp		**Khối 1**		**Khối 2**		**Khối 3**		**Khối 4**		**Khối 5**		**Tổng cộng**	
TS HS		109		90		108		103		116		**526**	
HS Khuyết tật		*2*				*1*		*2*		*2*		**7**	
HS được đánh giá		109		90		108		103		116		**526**	
Phẩm chất	MĐĐ	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
Yêu nước	Tốt	91	83.5	89	98.9	104	96.3	83	80.6	99	85.3	**466**	88.6
	Đạt	18	16.5	1	1.1	4	3.7	20	19.4	17	14.7	**60**	11.4
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**0**	0.0
Nhân ái	Tốt	92	84.4	82	91.1	104	96.3	85	82.5	97	83.6	**460**	87.5
	Đạt	17	15.6	8	8.9	4	3.7	18	17.5	19	16.4	**66**	12.5
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**0**	0.0
Chăm chỉ	Tốt	84	77.1	71	78.9	83	76.9	71	68.9	94	81.0	**403**	76.6
	Đạt	25	22.9	19	21.1	25	23.1	32	31.1	22	19.0	**123**	23.4
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**0**	0.0
Trung thực	Tốt	91	83.5	74	82.2	91	84.3	75	72.8	93	80.2	**424**	80.6
	Đạt	18	16.5	16	17.8	17	15.7	28	27.2	23	19.8	**102**	19.4
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**0**	0.0
Trách nhiệm	Tốt	89	81.7	71	78.9	86	79.6	74	71.8	93	80.2	**413**	78.5
	Đạt	20	18.3	19	21.1	22	20.4	29	28.2	23	19.8	**113**	21.5
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**0**	0.0

c) Những năng lực cốt lõi:

(Có 07 HS khuyết tật được đánh giá theo sự tiến bộ của trẻ)

Khối lớp	**Khối 1**	**Khối 2**	**Khối 3**	**Khối 4**	**Khối 5**	**Tổng cộng**
TS HS	109	90	108	103	116	**526**
HS Khuyết tật	*2*		*1*	*2*	*2*	**7**
HS được đánh giá	109	90	108	103	116	**526**

Năng lực cốt lõi	MĐĐ	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
1. Tự chủ và tự học	Tốt	79	72.5	66	73.3	80	74.1	66	64.1	69	59.5	**360**	68.4
	Đạt	30	27.5	24	26.7	28	25.9	37	35.9	47	59.5	**166**	31.6
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0		**0**	
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	83	76.1	68	75.6	76	70.4	66	64.1	75	64.7	**368**	70.0
	Đạt	25	22.9	22	24.4	32	29.6	37	35.9	41	35.3	**157**	29.8
	CCG	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	78	71.6	64	71.1	76	70.4	60	58.3	71	61.2	**349**	66.3
	Đạt	30	27.5	25	27.8	33	30.6	43	41.7	45	38.8	**176**	33.5
	CCG	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	*0*		**1**	0.2
- NL đặc thù					*SL*	*%*		*%*			*SL*	*%*	
1. Ngôn ngữ	Tốt	80	73.4	61	67.8	79	73.1	65	63.1	71	61.2	**356**	67.7
	Đạt	28	25.7	29	32.2	29	26.9	38	36.9	45	38.8	**169**	32.1
	CCG	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
2. Tính toán	Tốt	83	76.1	64	71.1	77	71.3	61	59.2	72	62.1	**357**	67.9
	Đạt	25	22.9	26	28.9	31	28.7	42	40.8	44	37.9	**168**	31.9
	CCG	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
3. Khoa học	Tốt	87	79.8	66	73.3	78	72.2	61	59.2	73	62.9	**365**	69.4
	Đạt	21	19.3	24	26.7	30	27.8	42	40.8	43	37.1	**160**	30.4
	CCG	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
4. Thẩm mĩ	Tốt	83	76.1	67	74.4	76	70.4	71	68.9	73	62.9	**370**	70.3
	Đạt	25	22.9	23	25.6	32	29.6	32	31.1	43	37.1	**155**	29.5
	CCG	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
5. Thể chất	Tốt	82	75.2	68	75.6	84	77.8	74	71.8	74	63.8	**382**	72.6
	Đạt	26	23.9	22	24.4	24	22.2	29	28.2	42	36.2	**143**	27.2
	CCG	1	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	**1**	0.2
6. Công nghệ	Tốt	0		0		81	75.0	76	73.8	73	62.9	**230**	64.6
	Đạt	0		0		27	25.0	27	26.2	43	37.1	**97**	35.4
	CCG	0		0		0	0.0	0	0.0	0	0.0	**0**	0.0
7. Tin học	Tốt	0		0		81	75.0	75	72.8	71	61.2	**227**	64.0
	Đạt	0		0		27	25.0	28	27.2	45	38.8	**100**	36.0
	CCG	0		0		0	0.0	0	0.0	0	0.0	**0**	

d) Kết quả giáo dục cuối năm học

(Có 07 HS khuyết tật học hòa nhập đánh giá sự tiến bộ của trẻ)

Khối lớp	TS HS được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		SL	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	
1	109	34	31.2	37	33.9	35	32.1	1	0.9	
2	90	27	30.0	29	32.2	34	37.8	0		
3	108	30	27.8	45	41.7	33	30.6	0	0.0	
4	103	27	26.2	32	31.1	42	40.8	0	0.0	
5	116	32	27.6	33	28.4	48	41.4	0	0.0	
Tổng	**526**	**150**	**28.5**	**176**	**33.5**	**192**	**36.5**	**1**	**0.2**	

e) Khen thưởng cuối năm học:

STT	Tổng số	TSHS được khen thưởng		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	
		SL	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
1	109	71	65.1	34	31.2	37	33.9
2	90	56	62.2	27	30.0	29	32.2
3	108	75	69.4	30	27.8	45	41.7
4	103	59	57.3	27	26.2	32	31.1
5	116	65	56.0	32	27.6	33	28.4
Tổng	**526**	**326**	**62.0**	**150**	**28.5**	**176**	**33.5**

Hoàn thành chương trình lớp học: 409/410 = 99,8%

Hoàn thành chương trình tiểu học: 116/116 = 100%

g) Các hoạt động khác:

- Học sinh thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học đường sạch sẽ, gọn gàng.

- Các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện. Tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do Liên đội, nhà trường và ngành phát động.

- Hưởng ứng các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- Học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

(Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học)

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục		Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
			Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt		**420**	216	204	**350**	180	170	**245**	126	119	**245**	126	119	**245**	126	119
2	Toán		**105**	54	51	**175**	90	85	**175**	90	85	**175**	90	85	**175**	90	85
3	Tiếng Anh								**140**	72	68	**140**	72	68	**140**	72	68
4	Đạo đức		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
5	Tự nhiên – Xã hội		**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34						
6	Lịch sử và Địa lý											**70**	36	34	**70**	36	34
7	Khoa học											**70**	36	34	**70**	36	34
8	Tin học								**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
9	Công nghệ								**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
10	Giáo dục thể chất		**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34
11	Nghệ thuật (Âm nhạc)		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
12	Nghệ thuật (Mĩ thuật)		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
13	Hoạt động trải nghiệm	- SHDC	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
		- HĐGDTCĐ	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
		- SHL	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
14	Tăng cường Tiếng Việt		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**0**	0	0	**0**	0	0
15	Đọc sách tại thư viện		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17

16	Giáo dục địa phương	**22**	12	10	**22**	12	10	**22**	12	10	**22**	12	10	**22**	12	10
II. Môn học tự chọn																
1	Tiếng dân tộc thiểu số	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tiếng Anh (lớp 1, 2)	**70**	36	34	**70**	36	34									
Tổng tiết theo cv 2616/SGDĐT		**1037**	534	503	**1037**	534	503	**1072**	552	520	**1107**	570	537	**1107**	570	537
III. Hoạt động củng cố, tăng cường *(Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)*																
1	HĐ củng cố/Câu lạc bộ (HĐTN STEM, giáo dục ATGT, tư vấn tâm lý HS,….) thay thế tiết Tiếng dân tộc	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34						

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể dự kiến thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9 năm 2025	Truyền thống nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng thứ Sáu, ngày 05/09/2025	BGH; TPTĐ; GV Âm nhạc; GVCN	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên.
	Hoạt động trải nghiệm	Trung thu của em "Vui Hội trăng rằm"	Tập trung toàn trường/ điểm trường	SHDC sáng thứ Hai ngày 06/10 (15/8 Âm lịch) (60 phút)	BGH; TPTĐ; GV Âm nhạc; GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCS HCM xã; Nhân viên nhà trường
Tháng 10	Truyền	Sinh hoạt truyền thống về	Tập trung toàn	Sáng thứ Tư	Tổng phụ trách	BGH, GVCN, GV

năm 2025	thống nhà trường	ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	trường/ điểm trường	ngày 15/10/2025 (20 phút)	đội; GV Âm nhạc	chuyên
	Hoạt động trải nghiệm	Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 20/10	Theo khối lớp	Tiết SHDC ngày 20/10/2025 (30 phút)	TPTĐ, GV Mĩ thuật, GV CN	BGH, GV chuyên, NV
Tháng 11 năm 2025	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Chúc mừng ngày 20/11; Biểu diễn văn nghệ	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Năm ngày 20/11/2025	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc, GV toàn trường	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.
Tháng 12 năm 2025	Uống nước nhớ nguồn	Tìm hiểu về ngày truyền thống QĐND VN 22/12 – Hoạt cảnh	Tập trung toàn trường	Tiết SHDC ngày 20/12/2025 (40 phút)	BGH, TPTĐ, GV, NV toàn trường	- Đơn vị Quân đội (dự kiến đơn vị 741) - Đoàn TNCS HCM xã;
Tháng 1 năm 2026	Hoạt động trải nghiệm	Triển lãm sách. Đọc sách	Theo khối	Thứ Ba ngày 13/1/2025	Giáo viên	- CBQL, NV
	Hoạt động trải nghiệm	Giáo dục kỹ năng sống: Phòng cháy chữa cháy	Tập trung toàn trường;	Sáng thứ Tư ngày 14/1/2025 (60 phút)	Công an Thanh Nưa	BGH; TPTĐ; GV, NV toàn trường
	Hoạt động trải nghiệm	Tổ chức các hoạt động thực hành Tiếng Anh	Theo khối	Chiều thứ Tư ngày 14/1/2025 (90 phút)	Giáo viên Tiếng Anh và GV toàn trường	BGH, Đại diện Cha mẹ HS
	Hoạt động trải nghiệm	- Chào xuân 2026 (gói bánh chưng, văn nghệ, thể thao,…)	Tập trung toàn trường	Thứ Năm ngày 15/1/2026	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc, GV toàn trường	- Ban ĐDCMHS - Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ…

	STEM - Làm quen với NCKH, kĩ thuật	Học sinh làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học (khám phá khoa học, khám phá công nghệ)				- Đoàn TNCS HCM xã;
	Hoạt động trải nghiệm	Tổ chức thăm hỏi gia đình có công với cách mạng; Chăm sóc Đài tưởng niệm của xã	Theo khối	Chiều Năm ngày 15/1/2026	TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
	Hoạt động trải nghiệm	Các hoạt động tư vấn tâm lý học sinh	Tập trung toàn trường/ Theo khối (độ tuổi)	Sáng thứ Sáu ngày 16/1/2026 (90 phút)	GV phụ trách Tư vấn tâm lý; TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
Tháng 2 năm 2026	HĐ tập thể	95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2024)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 2/2/2026 tiết SHDC (20')	TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
Tháng 3 năm 2026	Hoạt động trải nghiệm STEM	Hoa yêu thương nở rộ (Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	Theo lớp	Sáng thứ Sáu ngày 6/3/2026 tiết SHL (35 phút)	GVCN, TPTĐ GV toàn trường.	BGH
Tháng 4 năm 2026	Hoạt động trải nghiệm	Giao lưu văn nghệ - Tìm hiểu truyền thống với chủ đề "Hướng tới ngày kỷ niệm 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026)"	Tập trung toàn trường/ điểm trường	Sáng thứ Hai ngày 27/4/2026 (30 phút)	Tổng phụ trách đội; GV Âm nhạc	BGH, GV toàn trường, NV.
Tháng 5 năm 2026	Hoạt động trải nghiệm	Sinh hoạt truyền thống: Hoa thơm dâng Bác.	Theo khối lớp	Tiết SHDC ngày 18/5/2026 (30 phút)	TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên

	Ngày Hội STEM	Trưng bày, giới thiệu, trải nghiệm, khám phá các sản phẩm sáng tạo khoa học công nghệ của khối, lớp	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Sáu ngày 22/5/2026 (30 phút)	BGH; TPTĐ GV CN, GV dạy chuyên.	Ban ĐDCMHS - Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ… - Đoàn TNCS HCM xã;

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian ăn nghỉ tại trường (đối với học sinh tự nguyện ăn nghỉ trưa tại trường)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ sở thích, năng khiếu tự nguyện.	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 3	1 lần/tuần, chiều thứ Năm hàng tuần (Từ 15 giờ 40 phút đến 16 giờ 20 phút).	Tại trường	
2	Vui chơi tự do; hoạt động tập thể sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân trường; - Các câu lạc bộ - Các hoạt động bồi dưỡng HS năng khiếu	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Cuối buổi học thứ hai trong ngày (Từ 16 giờ 20 phút đến 17 giờ).	Tại khuôn viên nhà trường	
3	Hoạt động trải nghiệm, Rèn Kĩ năng sống, Hoạt động giáo dục khác	Giáo dục kĩ năng sống; hoạt động giải trí …	Học sinh ăn trưa tại trường	Trước hoặc sau bữa ăn trưa	Tại trường	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với điểm trường Pa Pe

- Điểm trường Pa Pe là điểm trường khá thuận lợi, cách điểm trường trung tâm khoảng 3km, nằm bên trục đường quốc lộ 12, thuận tiện cho việc đi lại của GV và HS.

- Đặc điểm học sinh của điểm trường: có 5 lớp với số …. HS

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách *(NĐ 81/2021; NĐ 57/2021; TT 42/2013; NĐ 66/2025)*						
						Tổng số	Xã ĐBKK (NĐ 81/2021)	Hộ nghèo (NĐ 81/2021)	Mồ côi (NĐ 81/2021)	HS khuyết tật (TT 42/2013)	HS dân tộc rất ít người (NĐ 57/2017)	HS vùng ĐBDT thiểu số và miền núi (NĐ 66/20125)
1	1	17	4	8	2							2
2	1	20	8	5	1	1		1				
3	1	21	11	9	4	23	2			1	3	1
4	1	13	9	7	5							
5	1	20	9	7	4							
Tổng	**5**	**91**	**41**	**36**	**16**	**24**	**2**	**1**	**0**	**1**	**3**	**3**

- Tỉ lệ HS nữ: 45,1%; Tỉ lệ HS dân tộc: 39,6%; Tỉ lệ HS nữ dân tộc: 17,6%;

- Số HS/lớp là 18,2 em, đảm bảo cho việc giáo viên tổ chức các hình thức dạy học linh hoạt và đảm bảo cho việc GV có thể dạy đến từng học sinh.

- Do khoảng cách vị trí địa lý gần nên Kế hoạch giáo dục ở điểm trường thực hiện như điểm trường trung tâm.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

4.1. Khung thời gian hoạt động trong ngày

Thời gian		**Hoạt động**
Buổi sáng		
7 giờ 10 phút - 7 giờ 30 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 50 phút - 9 giờ 10 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
9 giờ 10 phút - 9 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 50 phút - 10 giờ 25 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 13 giờ 30 phút	180 phút	*Ăn, nghỉ trưa + HĐTN/ Hoạt động giáo dục (đối với HS ăn nghỉ trưa tại trường)*

Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 20 phút - 15 giờ 40 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
15 giờ 40 phút - 16 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
16 giờ 20 phút - 16 giờ 50 phút	30 phút	*- Tổ chức các HĐGD ngoài giờ lên lớp: trò chơi, CLB, thể thao, văn nghệ,….*

Thời gian cho mỗi tiết học là 35 phút, có 05 phút dành cho thời gian chuyển giữa các tiết học.

4.2. Quy định thời gian học

* Thực hiện Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Thanh Nưa ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Thanh Nưa. Cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường:

- Lớp 1: từ thứ Sáu ngày 22/8/2025
- Lớp 2,3,4,5: từ thứ Sáu ngày 29/8/2025

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

Học kỳ I (có 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác), kết thúc học kỳ I ngày 18/01/2026.

Học kỳ II (có 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác): hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026.

Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 15/6/2026.

Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp trước ngày 31/7/2026

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn…).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có…)

* Tại trường Tiểu học Thanh Hưng thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 đối với từng khối lớp cụ thể như sau:

- Đối với khối lớp 1:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học *(*Phụ lục 1.4 – Khối lớp 1 *đính kèm)*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(*Phụ lục 2 – Khối lớp 1 *đính kèm)*

- Đối với khối lớp 2:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học *(*Phụ lục 1.4 – Khối lớp 2 *đính kèm)*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(*Phụ lục 2 – Khối lớp 2 *đính kèm)*

- Đối với khối lớp 3:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học *(*Phụ lục 1.4 – Khối lớp 3 *đính kèm)*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(*Phụ lục 2 – Khối lớp 3 *đính kèm)*

- Đối với khối lớp 4:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học *(*Phụ lục 1.4 – Khối lớp 4 *đính kèm)*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(*Phụ lục 2 – Khối lớp 4 *đính kèm)*

- Đối với khối lớp 5:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học *(*Phụ lục 1.4 – Khối lớp 5 *đính kèm)*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(*Phụ lục 2 – Khối lớp 5 *đính kèm)*

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

1.1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Thực hiện Chương trình GDPT theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học 2025-2026 của UBND xã Thanh Nưa; bảo đảm thực hiện chương trình GDPT 2018 linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của nhà trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ GD&ĐT.

Tổ chuyên môn, giáo viên tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, tự chọn; bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong quá trình thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, đảm bảo cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của Chương trình. Trong điều kiện cho phép, các tổ chuyên môn/giáo viên tạo môi trường cho học sinh trải nghiệm, vận dụng các kiến thức trên lớp, phát huy năng lực được học trong chương trình vào hoạt động giáo dục và thực tiễn.

Tổ chuyên môn, đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học (hoạt động giáo dục); tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học, chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh các lớp.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng chuyên môn phân công phê duyệt: kế hoạch dạy học tuần, kế hoạch các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình Tiếng Việt; nội dung dạy học tích hợp (tài liệu giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương, quốc phòng an ninh, khởi nghiệp, phòng cháy chữa cháy, quyền con người...), ôn tập kiểm tra bổ sung kiến thức, dạy học theo chủ đề, hoạt động tư vấn tâm lý học sinh, giáo dục truyền thống nhà trường,... trước khi giáo viên triển khai thực hiện.

1.2. Thực hiện chương trình, sách giáo khoa

Số lượng sách quy định tối thiểu đối với mỗi học sinh khối lớp 1,2,3,4,5 (theo danh mục SGK học sinh cấp tiểu học theo Công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT).

Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh; Lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh; Lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh: Lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh; Lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh.

Xuất bản phẩm tham khảo và vở (tập viết) sử dụng trong quá trình dạy và học tại các lớp thực hiện theo quy định tại thông tư 21/2014/TT-BGDĐT ngày 7/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học. Triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 và các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT trong năm học 2025-2026. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

1.3. Dạy học 2 buổi/ngày

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần).

Nội dung và hình thức dạy học:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Buổi 2: Hoàn thiện đảm bảo thực hiện đủ số tiết các môn học theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

Bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; các tổ chuyên môn chú trọng đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: tự học có hướng dẫn của giáo viên, học tập theo nhóm, học trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ,...

2. Triển khai thực hiện tích hợp, lồng ghép một số nội dung giáo dục

2.1. Nội dung Giáo dục địa phương

Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học với hình thức linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

Sử dụng "Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1,2,3,4,5" đã được phê duyệt.

Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 tỉnh Điện Biên được dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn quy định tại công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 và công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026 (22 tiết/năm học, trong đó học kỳ I: 12 tiết, học kỳ II: 10 tiết);

Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

Tổ chuyên môn chỉ đạo giáo viên cập nhật thông tin thay đổi địa giới hành chính sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, sát nhập cấp xã. Giáo viên chủ động khai thác thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng để quảng bá hình ảnh của địa phương, sử dụng những chuyên đề phù hợp trong quá trình giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục của lớp.

2.2. Triển khai giáo dục STEM

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM theo hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT (Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GDĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học)

Tổ chuyên môn chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện giáo dục STEM trong kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của khối, lớp. Giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website http://stemtieuhoc.edu.vn và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT. Thời lượng tổ chức thực hiện bài học STEM (Bài học STEM/ Hoạt động trải nghiệm STEM/Làm quen với nghiên cứu khoa học kĩ thuật) được tổ chuyên môn, lớp xây dựng dựa trên thời lượng các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan đến bài học STEM một cách khoa học, linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, không gây quá tải đối với học sinh và giáo viên và được thể hiện trong kế hoạch giáo dục dạy học theo quy định.

2.3. Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống

Sử dung tài liệu được phê duyệt tại quyết định số 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ GD&ĐT về việc Phê duyệt tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học trong các môn học (Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm).

Thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học/mạch kiến thức/chủ đề của các môn học, hoạt động giáo dục

Việc lồng ghép, tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn học, hoạt động giáo dục phải thực hiện linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường, không khiên cưỡng hay gây quá tải cho học sinh, giáo viên.

2.4. Giáo dục nội dung quốc phòng – an ninh

Tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh vào các môn học theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với từng lớp, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh, tập trung vào các môn học: Tiếng Việt; Tự nhiên và Xã hội; Đạo đức; Lịch sử và Địa lí; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm. Thời lượng lồng ghép bảo đảm đủ nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh cần truyền đạt, không làm tăng thời lượng học của các môn học và hoạt động giáo dục.

Chủ đề lồng ghép chung từ lớp 1 đến lớp 5: giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; niềm tự hào, tự tôn dân tộc, lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ

an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; giới thiệu chủ quyền biển, đảo của Việt Nam; giáo dục tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, có ý thức tổ chức kỉ luật trong học tập.

2.5. Giáo dục Tin học, nội dung giáo dục kĩ năng công dân số,

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục Tin học, giáo dục kĩ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kĩ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giáo viên về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kĩ năng công dân số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Thực hiện hiệu quả giáo dục kỹ năng số, đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số. Tổ chuyên môn nghiên cứu đưa nội dung giáo dục kĩ năng số được giảng dạy cho học sinh thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024.

Xây dựng kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn có tích hợp các nội dung phát triển năng lực số theo từng khối lớp căn cứ vào Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GD&ĐT quy định Khung năng lực số cho người học; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; công văn số 1924/SGDĐT-GDTrH ngày 04/7/2025 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

2.6. Giáo dục An toàn giao thông

Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1362/BGDĐT-GDTH ngày 7/4/2021 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn tổ chức giáo dục An toàn giao thông cấp Tiểu học.

Sử dụng Bộ tài liệu "Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học" được Bộ GD&ĐT phê duyệt tại Quyết định số 4667/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2020 để giáo dục tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục an toàn giao thông vào quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.

2.7. Giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Sử dụng tài liệu "Giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong trường phổ thông".

Tích hợp nội dung giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong một số môn học có những kiến thức chứa đựng hoặc có liên quan đến nội dung giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu và với các mức độ khác nhau như môn Tự nhiên – Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm…,

Dạy học lồng ghép, tích hợp để trang bị cho học sinh một số kiến thức cơ bản về thiên tai và một số kịch bản để ứng phó như nội dung Phòng, chống lũ lụt; Ứng phó với hiện tượng sạt lở đất/đá; Ứng phó với hạn hán; Ứng phó khi có bão, lốc; Những biện pháp đảm bảo an toàn khi có giông và sét; Những biện pháp đảm bảo an toàn khi có mưa đá; Những biện pháp an toàn ứng phó khi động đất,… Giúp học sinh không chỉ có kiến thức mà còn rèn luyện cho các em thái độ, kĩ năng, hành vi trong ứng phó biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, có lối sống thân thiện với môi trường.

2.8. Giáo dục quyền con người

Triển khai kế hoạch số 1840/KH-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc gia.

Thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục như môn Đạo đức, Tiếng Việt, Tự nhiên – Xã hội, Khoa học, Hoạt động trải nghiệm.

2.9. Giáo dục an toàn trường học

Thực hiện theo điều 9 của Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26/10/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

Thực hiện giáo dục lồng ghép, tích hợp các kiến thức, kĩ năng đảm bảo an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em trong các môn học và trong các hoạt động giáo dục (như môn TN-XH, Khoa học, Hoạt động trải nghiệm, Giáo dục thể chất, các hoạt động tập thể, câu lạc bộ…).

Sử dụng tài liệu hướng dẫn chăm sóc sức khỏe học đường (Tài liệu dùng cho giáo viên, cán bộ phụ trách đoàn, đội và cán bộ y tế học đường) để giáo dục học sinh qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

Ngoài ra còn một số nội dung giáo dục như phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội trong nhà trường, cộng đồng và trên môi trường mạng; phòng chống đuối nước; phòng cháy chữa cháy; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống các dịch bệnh theo mùa, ….

2.10. Tích hợp các nội dung lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam

Thực hiện nội dung giáo dục "Lịch sử quan hệ đặc biệt hai nước Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam" nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết của học sinh về mối quan hệ lịch sử đặc biệt giữa hai nước thông qua các sự kiện, hình ảnh, dữ liệu được đưa vào nội dung các môn học (Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức) và Hoạt động trải nghiệm. Các dữ liệu này sẽ cung cấp cho học sinh các kiến thức về sự hợp tác giữa hai nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và trên các lĩnh vực khác, thông qua bài viết và hình ảnh của các lãnh đạo và quân dân hai nước, về các hoạt động chung.

Giáo dục tinh thần yêu nước và tình đoàn kết giữa hai dân tộc, hai đất nước; bồi dưỡng ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết giữa hai dân tộc.

3. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.

a) Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, trong đó có phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; vận dụng những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành, trải nghiệm, dạy tích hợp các nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT; thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Các tổ chuyên môn xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh "ngồi nhầm lớp"; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

b) Dạy Tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số

Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp Một theo quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023, thời lượng 72 tiết(hoàn thành trong tháng 8/2025).

Lớp 1,2,3 tổ chức tăng cường tiếng Việt cho học sinh qua các môn học và hoạt động giáo dục tối thiểu 01 tiết/tuần, tài liệu theo Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên và học sinh lớp 1 vùng DTTS, Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2, Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3.

Giáo viên xây dựng lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tiếng Việt. Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy viết bài văn, đoạn văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức tiết đọc sách tại thư viện, nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện xanh, thư viện lưu động, thư viện góc lớp, duy trì hiệu quả hoạt động giao lưu tiếng Việt. Hướng

dẫn học sinh thao tác các tính năng trên phần mềm "Vui đọc cùng em" nhằm tăng cường năng lực đọc cho học sinh đồng thời tổ chức các hoạt động để học sinh trau dồi năng lực tiếng Việt.

c) Đối với trẻ khuyết tật

Thực hiện nghiêm túc Luật Người khuyết tật 2010, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

Huy động 100% số trẻ từ 6 đến 10 tuổi khuyết tật có khả năng học tập, học hòa nhập. Bố trí hợp lý số lượng học sinh trong lớp có học sinh khuyết tật, bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập, đặc biệt là trẻ em mắc bệnh tự kỉ, trầm cảm. Tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật của các khối lớp. Phân công giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy bộ môn và giáo viên kiêm hỗ trợ học sinh khuyết tật trong thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập. Phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập tỉnh tư vấn hỗ trợ cho giáo viên về thực hiện giáo dục cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính. Việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ được ghi trong sổ theo dõi trẻ khuyết tật.

d) Bồi dưỡng học sinh năng khiếu

Tiếp tục tổ chức hợp lý các hoạt động giáo dục, giao lưu, các sân chơi trí tuệ bổ ích và thân thiện nhằm phát triển năng lực, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và nội dung học tập của học sinh Tiểu học như: Giao lưu tiếng Việt, giao lưu Toán tuổi thơ, kể chuyện theo sách, triển lãm sách, triển lãm tranh, tìm hiểu An toàn giao thông, câu lạc bộ tiếng Anh, Tin học, STEM, các cuộc giao lưu trên mạng Internet (Tiếng Anh IOE, giải Toán), giao lưu Olympic các môn Toán, tiếng Việt,…. Học sinh tham gia tự nguyện, được sự đồng ý của phụ huynh, không gây căng thẳng cho học sinh.,

Tăng cường tập luyện các hoạt động thể dục thể thao: điền kinh, bóng đá, đá cầu, bóng bàn, thể dục Aerobic, cờ vua, bơi, bóng rổ, pickleball,… nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh. Tuyển chọn đội tuyển tập luyện tham gia giải thể thao học sinh đạt kết quả cao.

4. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền và huy động các nguồn lực, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm và sự đóng góp công sức của nhân dân để xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, đảm bảo các điều kiện để thực hiện

Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Rà soát, sắp xếp bàn ghế học sinh đảm bảo tiêu chuẩn bàn ghế học sinh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Bố trí nhân lực nhà trường để sửa chữa những bàn ghế bị lỏng, mất ốc vít, gãy,…

Tiếp tục tham mưu UBND xã đầu tư tu sửa một số hạng mục (lát gạch gốm 200m^2 trước cửa lớp 5A1; di chuyển nhà ăn (điểm trường Pa Pe) đến vị trí đảm bảo không gian thoáng mát, sạch sẽ; sửa chữa 01 nhà vệ sinh ở điểm trường Pa Pe; bổ sung 10 ti vi thông minh, máy tính,…). Tích cực tham mưu các nguồn xã hội hóa để sửa đường điện, quạt mát ở các phòng học và phòng chức năng, sửa hệ thống mạng internet toàn trường, sửa máy chiếu đã hư hỏng bóng, làm sân tập bộ môn pickleball, …

Tiếp tục tham mưu với các cấp đầu tư thiết bị dạy học mới theo quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học, đảm bảo 01 bộ thiết bị dạy học tối thiểu/01 lớp. Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có ở nhà trường như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1, bộ đồ dùng dạy học Toán 1, bộ chữ dạy tập viết, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ đo lường, bộ lắp ghép kĩ thuật".

Chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên chủ động tăng cường khai thác các thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học. Sử dụng triệt để các đồ chơi, thiết bị vận động ngoài trời cho học sinh tập luyện. Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh. Tăng cường phát triển kho video bài dạy minh họa của đội ngũ giáo viên giỏi để giúp các giáo viên tham khảo, sử dụng để hỗ trợ trong công tác dạy và học các nội dung theo Chương trình GDPT 2018.

b) Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động thư viện nhà trường, triển khai hiệu quả thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc, nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thư viện, phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; thường xuyên luân chuyển sách, truyện từ các lớp, các điểm trường nhằm tạo nguồn học liệu đa dạng, phong phú để HS tìm hiểu cũng như tăng cường năng lực đọc cho học sinh, nhất là học sinh ở điểm trường Pa Pe.

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả tiết đọc thư viện hàng tuần, sử dụng ứng dụng "Vui đọc cùng em" phù hợp chương trình giáo dục.

5. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo Kế hoạch số 2184/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 của Sở GDĐT. Đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 và Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GD&ĐT. Triển khai và thực hiện đầy đủ kế hoạch tập huấn cho các đối tượng thực hiện Chương trình

giáo dục phổ thông 2018.

Tham gia, phối hợp tổ chức sinh hoạt chuyên môn cụm 3 theo Quyết định số 1069/QĐ-SGDĐT ngày 13/8/2025 của Sở GD&ĐT. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GDĐT tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học.

Tiếp tục rà soát, bổ sung, phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học và hoạt động giáo dục tại nhà trường để thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng theo hướng thường xuyên, liên tục, ngay tại tổ, trường. Gắn nội dung bồi dưỡng với sinh hoạt tổ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân, phát hiện kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa.

Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp; tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên thực chất theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Đối với đội ngũ giáo viên dạy các môn chuyên (Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh, Tin học) phối hợp tổ chức bồi dưỡng thường xuyên trong năm học theo cụm trường hoặc liên kết giữa các trường trong địa bàn xã với hình thức phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá xếp loại phó Hiệu trưởng và giáo viên theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GD&ĐT về chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học, Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Đổi mới công tác quản lý đánh giá xếp loại cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng chất lượng, hiệu quả, sáng tạo.

6. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp tổ 2 buổi/tháng; cấp trường 1 lần/tháng, mỗi buổi thực hiện trong 3 tiết, mỗi tiết 45 phút; lựa chọn nội dung sinh hoạt cụm chuyên môn thiết thực, đáp ứng nhu cầu giáo viên, góp phần nâng cao năng lực giáo viên, tránh hình thức, chạy theo thành tích; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai phương pháp dạy học, kĩ thuật kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GD&ĐT để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên nhà trường.

7. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và giáo dục kỹ năng công dân số

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-

2025, định hướng đến 2030" phù hợp với điều kiện địa phương. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng thiết bị chuyển đổi số cho giáo viên; chuẩn bị sẵn các phương án dạy học trực tuyến sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh xảy ra không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống "Trường học kết nối", khai thác sử dụng "Hành trang số", phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên cấp tiểu học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình VTV. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn; Kênh youtobe: Cộng đồng giáo viên sáng tạo tỉnh Điện Biên; Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

Chỉ đạo thực hiện quyết định số hoá tất cả các loại văn bản, hồ sơ, sổ sách chuyên môn trên phần mềm quản lý trường học (vnedu, edoc), thực hiện ký số; quản lý tất cả các loại văn bản, kế hoạch hồ sơ sổ sách chuyên môn trên môi trường số (bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ thư viện, hồ sơ theo dõi công tác y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...). Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về công tác chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ và các lĩnh vực được giao phụ trách, đảm nhiệm.

Thực hiện việc đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện sử dụng học bạ số ở tất cả các khối lớp theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục nghiên cứu, tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên để triển khai hiệu quả học bạ số tại nhà trường; thực hiện đúng quy trình từ khâu nhập liệu học bạ số, đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh đảm bảo theo văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Thực hiện nghiêm túc quy định về nhiệm vụ và quyền hạn tại điều 11 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Điều lệ trường Tiểu học. Quản lý, chỉ đạo chung và toàn diện các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo Phụ lục 1 và đảm bảo các nội dung. Phê duyệt kế hoạch theo hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục.

Trực tiếp phụ trách một số hoạt động giáo dục trong nhà trường; lập kế hoạch công việc mình phụ trách.

Chỉ đạo các đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng lập kế hoạch hoạt động chi tiết, cụ thể cho năm, tháng, tuần theo quy định.

Phân công công việc hợp lý cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của pháp luật.

2. Phó hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công.

Giúp hiệu trưởng phụ trách hoạt động chuyên môn. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với phó hiệu trưởng.

Thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn, nâng cao chất lượng đội ngũ, kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn; tăng cường các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển học sinh năng khiếu.

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục..

Tham gia chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học các khối lớp; đổi mới phương pháp dạy học.

Kịp thời phản ánh, tham mưu với Hiệu trưởng những vấn đề phát sinh để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục cho phù hợp và hiệu quả.

3. Tổ trưởng chuyên môn

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường. Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng và giải trình kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018 của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.

Thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt.

Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo quy định.

Tổ chức cho giáo viên thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ GD&ĐT và UBND cấp tỉnh. Đề xuất các xuất bản phẩm tham khảo để lựa chọn sử dụng trong nhà trường theo quy định.

Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng.

4. Tổng phụ trách đội

Tham mưu cho Hiệu trưởng để quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong phạm vi nhà trường.

Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý các chương trình hoạt động cho đội viên, HS trong nhà trường theo kế hoạch của ngành Giáo dục, chương trình công tác Đội và phong trào thiếu nhi của Hội đồng Đội các cấp.

Xây dựng kế hoạch duyệt Hiệu trưởng và phối hợp với các giáo viên khác tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm, tổ chức sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề, các hoạt động phong trào, hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở Đội trong nhà trường theo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; bồi dưỡng đội ngũ phụ trách chi đội, ban chỉ huy Đội các cấp.

Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức các hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi, hoạt động giáo dục trong nhà trường.

5. Giáo viên chủ nhiệm

Thực hiện giáo dục theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách. Tham gia xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục. Mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học (hoạt động giáo dục), tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học, chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh của lớp.

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá HS theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác. Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn..

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

Tham gia lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, Chịu trách nhiệm về nền nếp, chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm; Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Hiệu trưởng.

6. Giáo viên phụ trách môn học

Thực hiện giáo dục theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình giảng dạy. Tham gia xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục. Mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học (hoạt động giáo dục), tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học,

chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh của lớp.

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá HS theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác. Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước HS; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng HS; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của HS.

Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn..

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

Tham gia lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình HS, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Hiệu trưởng.

7. Nhân viên

7.1. Nhân viên Thư viện, Thiết bị

Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học. Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

Tổ chức hệ thống phòng đọc, môi trường học tập, cung cấp thông tin, tài liệu đáp ứng nhu cầu tin của bạn đọc trong toàn trường.

Chuẩn bị thiết bị dạy học, hỗ trợ hướng dẫn HS sử dụng thiết bị thực hành, thí nghiệm.

Cập nhật sổ sách, mô tả, phân loại, sắp xếp khoa học và hệ thống tài liệu, thiết bị dạy học theo chương trình môn học;

Bảo quản, kiểm kê định kỳ vốn tài liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật, thiết bị dạy học; thanh lý các tài liệu, thiết bị lạc hậu, cũ nát theo quy định của Nhà nước. Đề xuất sửa chữa, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức "Tuần lễ học tập suốt đời"; "Ngày sách Việt Nam" để đảm hiệu quả hoạt động.

Tham gia học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.2. Nhân viên Y tế

Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường

Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và HS.

Thường xuyên theo dõi sức khỏe HS. Khám sức khoẻ định kỳ và phân loại sức khoẻ HS. Quản lý hồ sơ sức khoẻ.

Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khoẻ học sinh, lập sổ sức khoẻ, phiếu khám sức khoẻ định kì.

Thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe trường học. Tuyên truyền công tác vệ sinh cá nhân, nâng cao kỹ năng phòng chống bệnh tật cho học sinh. Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán

Giúp hiệu trưởng theo dõi quản lý cơ sở vật chất, theo dõi, quản lý công tác thu chi các nguồn quỹ, nguồn ngân sách nhà nước trong nhà trường.

Xây dựng kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng. Quyết toán tài chính đúng qui định theo nguyên tắc tài chính học sinh bán trú.

Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo quy định.

Tham gia các hội đồng: Thi đua khen thưởng, Hội đồng trường, kiểm kê thanh lý tài sản,… và các hoạt động tổ chức đoàn thể trong Nhà trường.

Tham gia các công việc của nhà trường theo quyết định của Hiệu trưởng.

7.4. Nhân viên văn thư

Giúp hiệu trưởng theo dõi tiếp nhận, đăng ký, quản lý văn bản đến và văn bản đi; soạn thảo, đánh máy, photocopy văn bản, công văn; lập hồ sơ, lưu trữ và bảo quản tài liệu, sổ sách; quản lý, sử dụng con dấu của nhà trường; và theo dõi, hỗ trợ công tác văn thư lưu trữ theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Tham gia các công việc của nhà trường theo quyết định của Hiệu trưởng.

7.5. Nhân viên bảo vệ

Bảo vệ trông coi bảo vệ an toàn đất đai, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị trường lớp, không để xảy ra mất mát hay hư hỏng. Kiểm soát người ra vào cơ quan, giữ gìn trật tự an ninh trong khu vực trường. Quản lý chặt chẽ sử dụng có hiệu quả nguồn nước uống, nguồn điện sinh hoạt.

Mở và đóng cửa ra vào, cửa phòng học theo đúng quy định giờ giấc và theo yêu cầu phục vụ giảng dạy và học tập từ phía nhà trường.

Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

Tham gia vào nhiệm vụ bảo vệ cho các kỳ thi tổ chức trong năm học.

Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường. Đề xuất các biện pháp, giải pháp nhằm đảm bảo trật tự trị an, kỷ cương trường học.

Làm các công việc khác do Ban giám hiệu trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2025- 2026. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường và tình hình cụ thể của tổ để xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả.

Nơi nhận:
- UBND, Phòng VH-XH xã (báo cáo)
- Ban đại diện CMHS (phối hợp);
- Tổ CM, tổ VP; GV (thực hiện)
- Lưu: VT./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thơm